

BÁO CÁO AN NINH NGUỒN NƯỚC MÙA KIẾT VÊ
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TỪ LƯU VỰC SÔNG MÊ CÔNG
(Từ Tháng 1 - Tháng 6/2026)

THUỘC NHIỆM VỤ

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN, KHAI THÁC SỬ DỤNG NƯỚC Ở
THƯỢNG NGUỒN SÔNG MÊ CÔNG PHỤC VỤ GIÁM SÁT AN NINH NGUỒN
NƯỚC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NĂM 2025-2026

NỘI DUNG 1: CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN BIẾN ĐỘNG DÒNG
CHẢY VÀ NGUỒN NƯỚC, SỬ DỤNG NƯỚC Ở THƯỢNG NGUỒN
SÔNG MÊ CÔNG

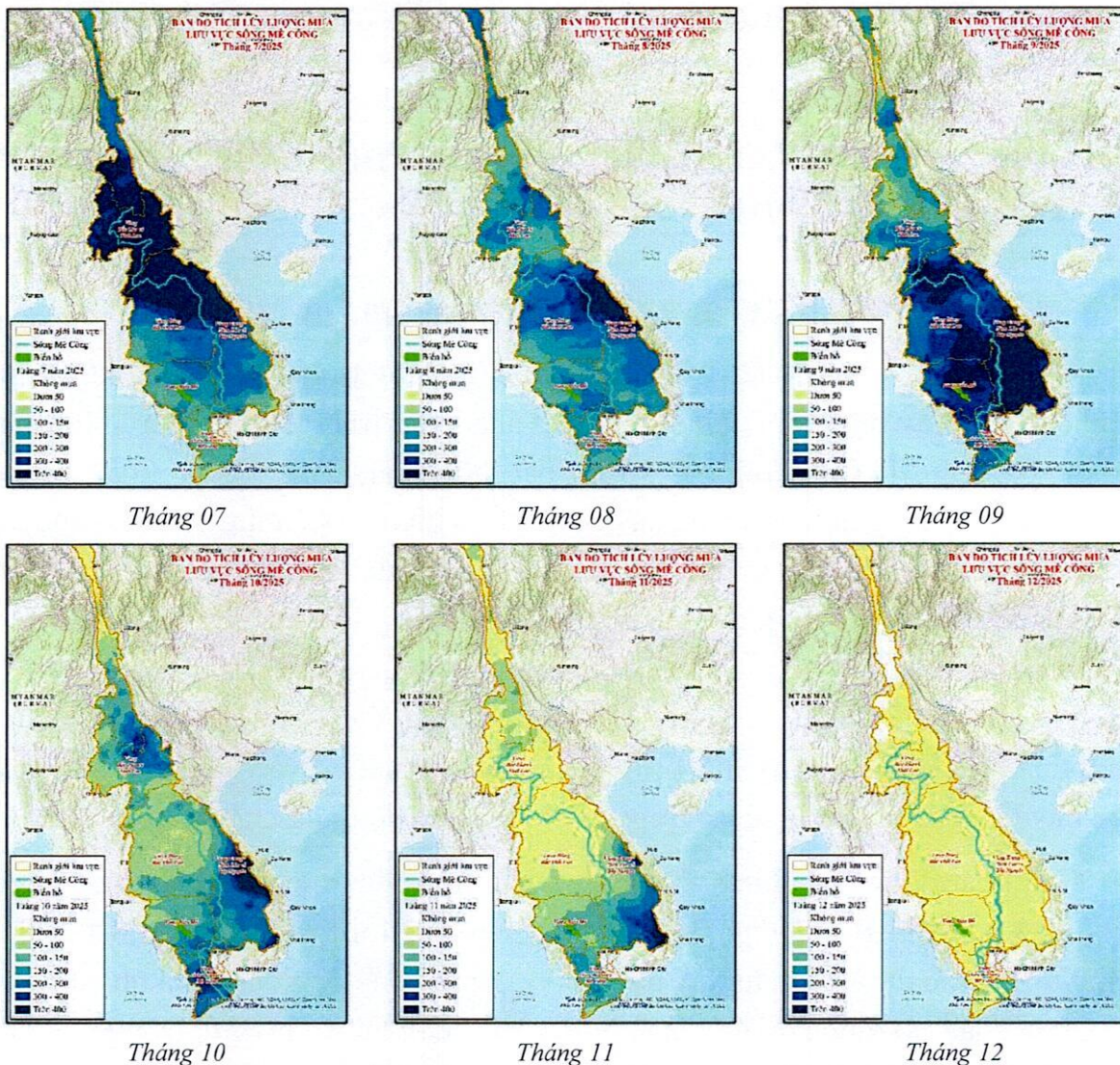
1.1. Các hoạt động xây dựng và phát triển trên lưu vực Mê Công

Các hoạt động phát triển trên lưu vực đáng chú ý là các hoạt động xây dựng và phát triển thủy điện. Theo thông tin cập nhật phát triển thủy điện trên lưu vực từ Ủy hội sông Mê Công quốc tế và rà soát thông tin từ các nguồn khác, từ các quốc gia, tổng dung tích hữu ích của các hồ chứa hiện có trên lưu vực vào khoảng 65,56 tỷ m³, trong đó Trung Quốc có 12 hồ với tổng dung tích hữu ích là 23,40 tỷ m³; Lào có 100 hồ với tổng dung tích hữu ích khoảng 35,50 tỷ m³; Thái Lan có 7 hồ với tổng dung tích hữu ích là 3,58 tỷ m³; Campuchia có 2 hồ với tổng dung tích hữu ích là 0,33 tỷ m³; và phía Tây Nguyên của Việt Nam có 14 hồ với tổng dung tích hữu ích là 2,75 tỷ m³. Lượng trữ của các hồ này và vận hành thủy điện hiện nay được xem là có vai trò quyết định đến chế độ dòng chảy xuống hạ lưu.

Các hoạt động xây dựng phát triển khác: mới đây theo theo thư của Ngân hàng Thế giới gửi Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ngày 18/12/2025 thông tin về các dự án đầu tư xây dựng công trình bên dòng chính và nhánh sông Mê Công của Lào thuộc dự án Quản lý Rủi ro Thiên tai II khu vực Đông Nam Á, bao gồm việc xây dựng các kè bảo vệ ngập lụt bờ sông Mê Công và các nhánh sông tại các thành phố Muang Xay thuộc tỉnh Oudomxay, Luang Prabang thuộc tỉnh Luang Prabang và Paksan thuộc tỉnh Bolkhamxay với tổng chiều dài khoảng 19,33km. Tuy nhiên các ảnh hưởng từ các hoạt động dự án này xuống hạ lưu được xem là không đáng kể. Các hoạt động phát triển khác như dự án kênh giao thông thủy Funal Techo của Campuchia đang trong giai đoạn triển khai thực hiện dự án, các thông tin về dự án sẽ tiếp tục được cập nhật.

1.2. Diễn biến mưa trên lưu vực Mê Công

Kết quả phân tích số liệu từ ảnh vệ tinh về mưa trên lưu vực sông Mê Công từ đầu tháng 7/2025 đến hết tháng 12/2025 cho thấy, ngay từ đầu tháng 7 đã xuất hiện mưa với tổng lượng rất lớn (trên 200mm) toàn lưu vực, trong đó khu vực Thượng Lào và Thái Lan, Trung-Nam Lào có vũ lượng trên 400mm; tháng 8 tổng lượng mưa có phần giảm hơn tháng 7, tuy nhiên vẫn ở mức cao – trên 200mm; tháng 9 là thời gian xuất hiện nhiều trận bão từ Biển Đông Việt Nam vào và gây mưa trên diện rộng khu vực Tây Nguyên-Việt Nam, Lào, Thái Lan và Campuchia; đến các tháng 10, 11, và 12 là thời gian mưa giảm dần (Hình 1).



Nguồn: số liệu mưa từ GSMAP ([JAXA Global Rainfall Watch \(GSMaP\)](#));
Thiết lập hình ảnh minh họa mưa trên lưu vực bởi SIWRR

Hình 1: Cập nhật diễn biến mưa trên lưu vực Mê Công tháng 07 đến 12/2025

1.3. Diễn biến dòng chảy trên dòng chính lưu vực Mê Công

Cập nhật thông tin diễn biến dòng chảy trên dòng chính sông Mê Công từ đầu tháng 7/2025 đến hết tháng 12/2025 được đưa ra ở bảng 2 cho thấy, tổng lượng dòng chảy trong thời gian trên ở các trạm điển hình trên dòng chính sông Mê Công đều cao hơn trung bình nhiều năm (TBNN(2013-2024)) từ 35-47%.

Tổng lượng dòng chảy về đến Kratie-trạm thủy văn đầu nguồn châu thổ Mê Công lên đến 397 tỷ m³, tổng lượng dòng chảy lớn hơn trung bình nhiều năm đến 102,95 tỷ m³, tương đương với 34,91% so với TBNN nguồn cung cấp chính là dòng chảy từ các tháng 8-10.

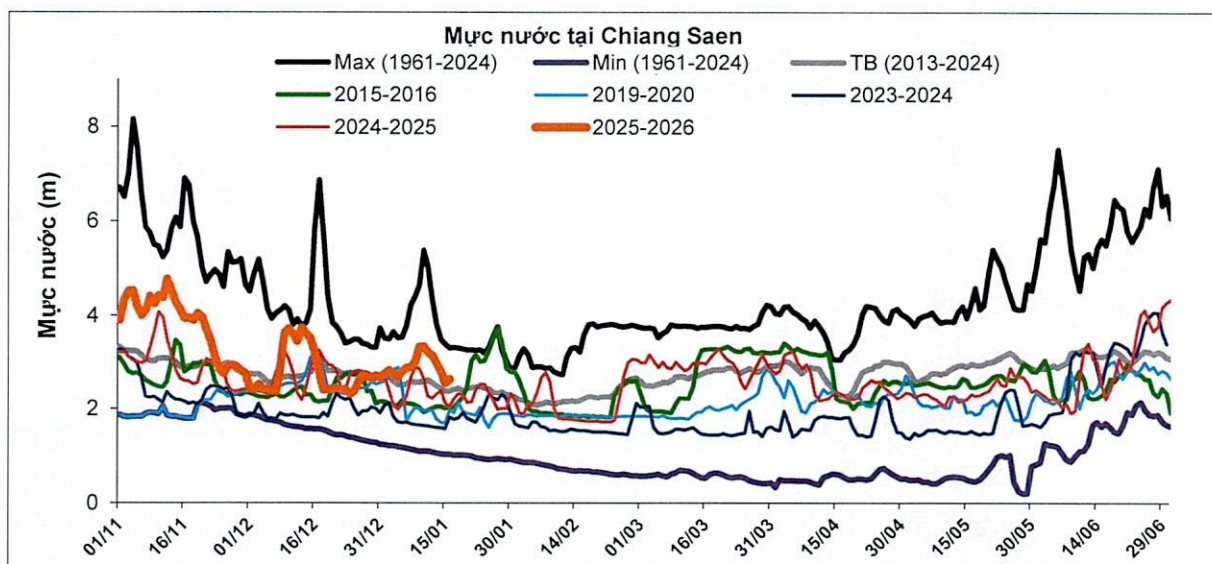
Bảng 1: Diễn biến lưu lượng và lũy tích dòng chảy các trạm dòng chính Mê Công giai đoạn tháng 7-tháng 12/2025

TT	Thông tin giám sát	Đơn vị	Các trạm thủy văn		
			Chiang Saen	Pakse	Kratie
1	LLBQ T7/2025	m ³ /s	4.504	22.550	25.324
2	LLBQ T8/2025	m ³ /s	4.954	24.327	29.493
3	LLBQ T9/2025	m ³ /s	3.960	25.455	37.672
4	LLBQ T10/2025	m ³ /s	4.174	22.883	32.620
5	LLBQ T11/2025	m ³ /s	3.205	10.216	17.973
6	LLBQ T12/2025	m ³ /s	2.106	4.725	7.262
7	W ₂₅ (T7-T12)	Tỷ m ³	60,73	291,96	397,87
8	W _{TBNN} (T7-T12)	Tỷ m ³	41,35	214,87	294,92
9	So sánh W ₂₅ -W _{TBNN}	Tỷ m ³	19,38	77,09	102,95
10	% khác biệt 2025 so với TBNN	%	46,86	35,88	34,91

Ghi chú:

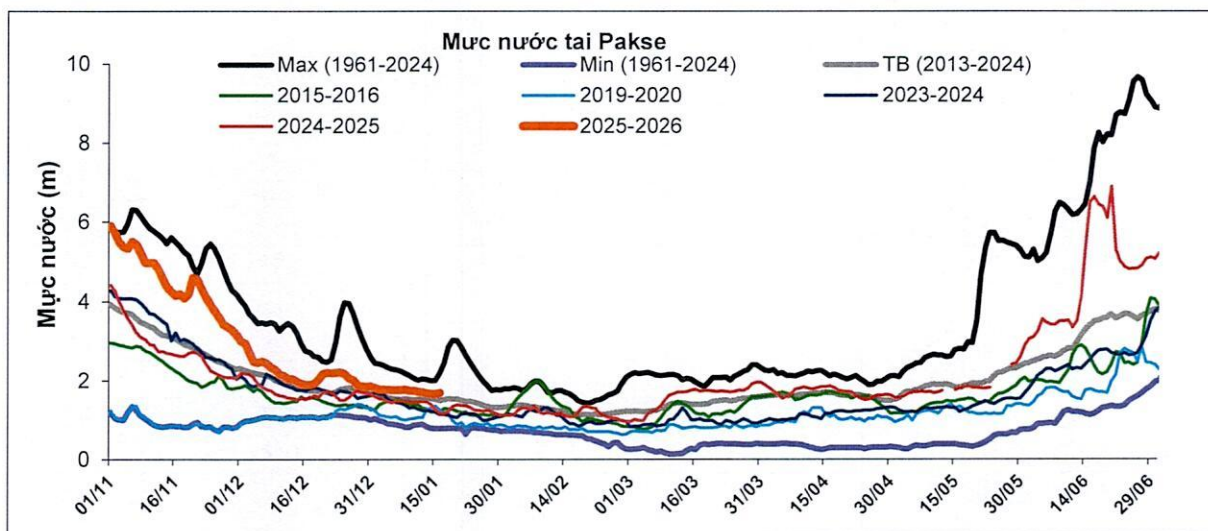
- LLBQ: Lưu lượng bình quân (m³/s)
- TBNN: Trung bình nhiều năm
- T: Tháng
- W₂₅(7-12): Tổng lượng dòng chảy từ tháng 7 đến tháng 12/2025 (tỷ m³)
- W_{TBNN}(7-12): Tổng lượng bình quân nhiều năm dòng chảy từ tháng 7 đến tháng 12 (tỷ m³) giai đoạn 2013-2024

Tổng lượng dòng chảy qua trạm Chiang Saen (Thái Lan) từ đầu tháng 7/2025 đến 31/12/2025 khoảng 60,73 tỷ m³, so sánh với TBNN giai đoạn 2013-2024 ở mức cao hơn khoảng 19,38 tỷ m³, cao hơn 46,86%. Diễn biến mực nước trạm Chiang Saen đến hiện nay so với một số năm thể hiện trên hình dưới: mực nước hiện tại là 2,65m, cao hơn so với TBNN khoảng 0,26m, cao hơn năm 2025 khoảng 0,61m.



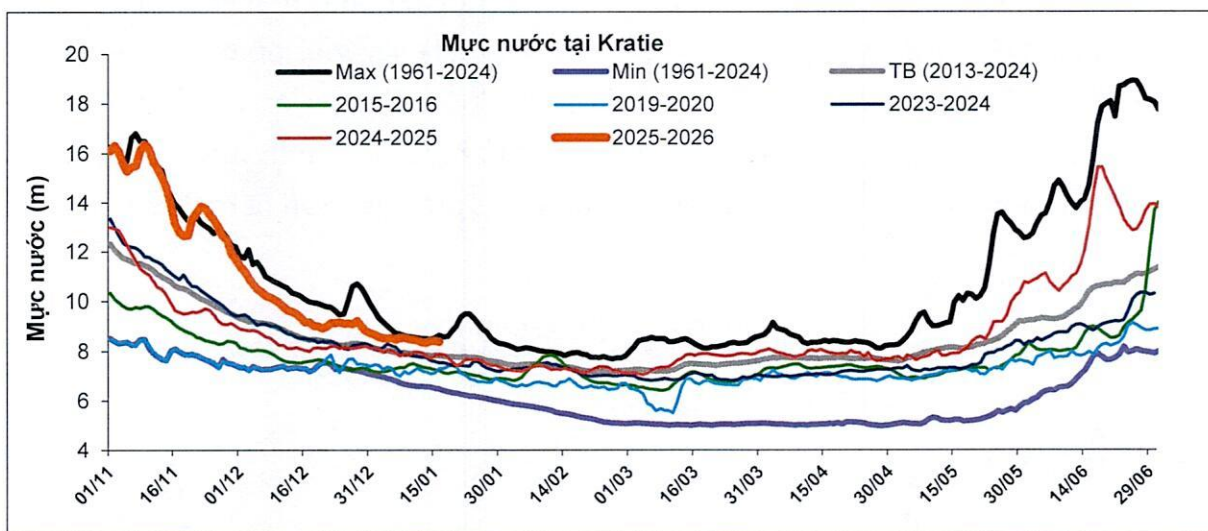
Hình 2: Diễn biến mực nước tại Chiang Saen – Thái Lan

Tại Pakse (Lào), tổng lượng dòng chảy qua đây đạt khoảng 291,96 tỷ m³, cao hơn TBNN (2013-2024) khoảng 70,09 tỷ m³, tương đương 35,88%. Diễn biến mực nước trạm Pakse đến hiện nay so với một số năm thể hiện ở hình dưới: mực nước hiện tại là 1,69m, cao hơn so với TBNN 0,53m, cao hơn năm 2025 khoảng 0,55m.



Hình 3: Diễn biến mực nước tại Pakse – Lào

Tại Kratie (Campuchia), tổng lượng dòng chảy qua đây đạt khoảng 397,87 tỷ m³, cao hơn TBNN (2013-2024) khoảng 102,95 tỷ m³, tương đương với 34,91% so với TBNN. Mực nước hiện tại ở Kratie là 8,37m, cao hơn so với TBNN khoảng 0,53m, cao hơn năm 2025 khoảng 0,51m.

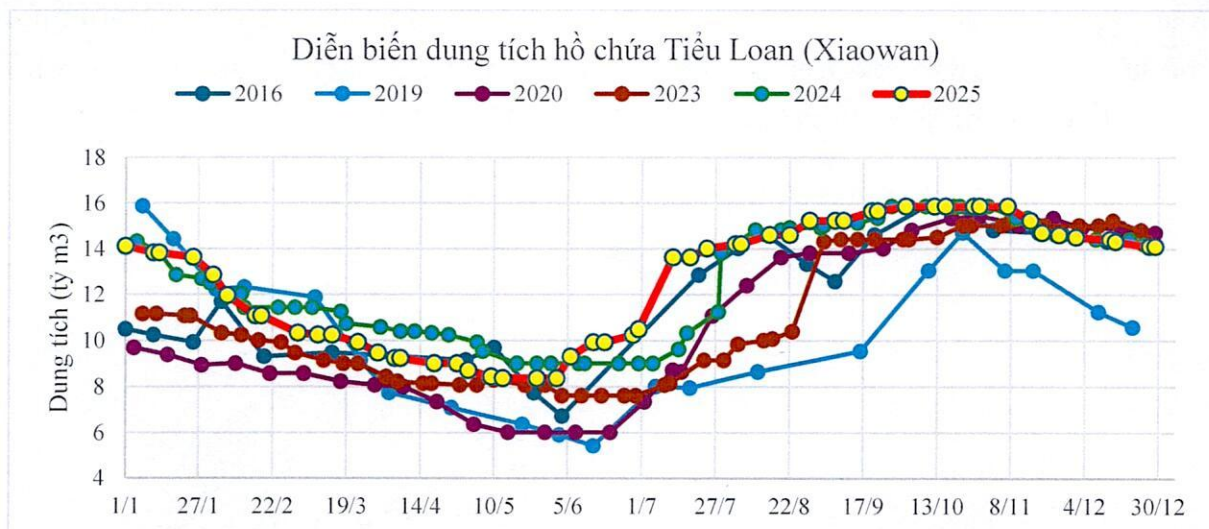


Hình 4: Diễn biến mực nước tại Kratie – Campuchia

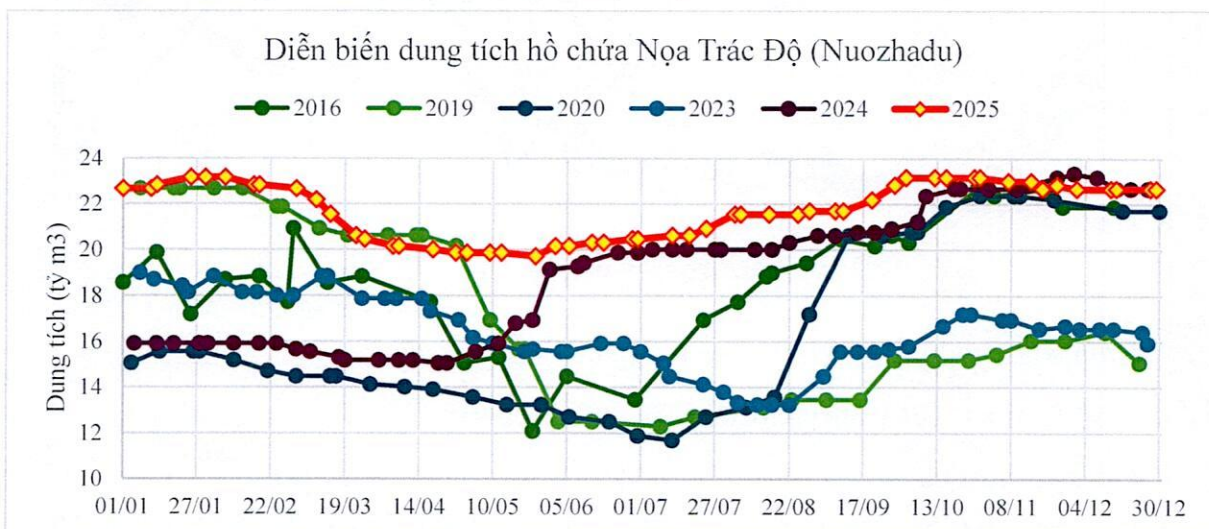
1.4. Lượng trữ các hồ chứa trên lưu vực Mê Công và biển hồ Tonle Sap

Cập nhật dung tích hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công đến hết tháng 12/2025 cho thấy, tổng dung tích nước các hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công có khoảng 53,62 tỷ m³. Trong đó các hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công thuộc Trung Quốc có dung tích điều tiết là 20,39 tỷ m³, tương đương với 85,8% tổng dung tích hữu ích. Tổng dung tích hữu ích các hồ chứa trên lưu vực có thể điều

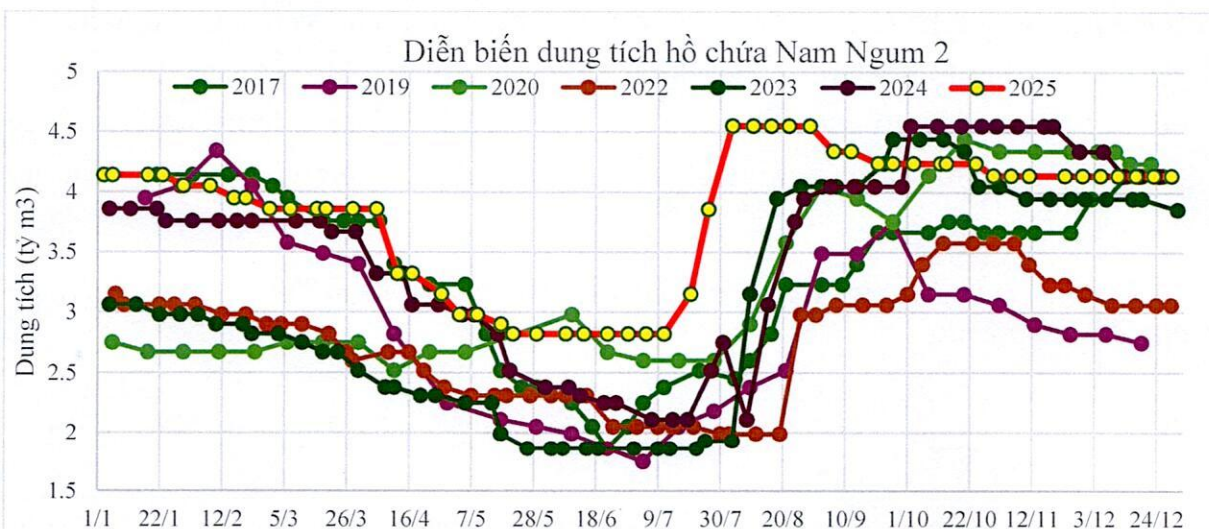
tiết cho hạ lưu là 53,62 tỷ m³. So với cùng kỳ năm 2023 cao hơn 8,4 tỷ m³, so với năm 2024 cao hơn 0,5 tỷ m³.



Hình 5: Dung tích trữ của hồ Tiểu Loan một số năm

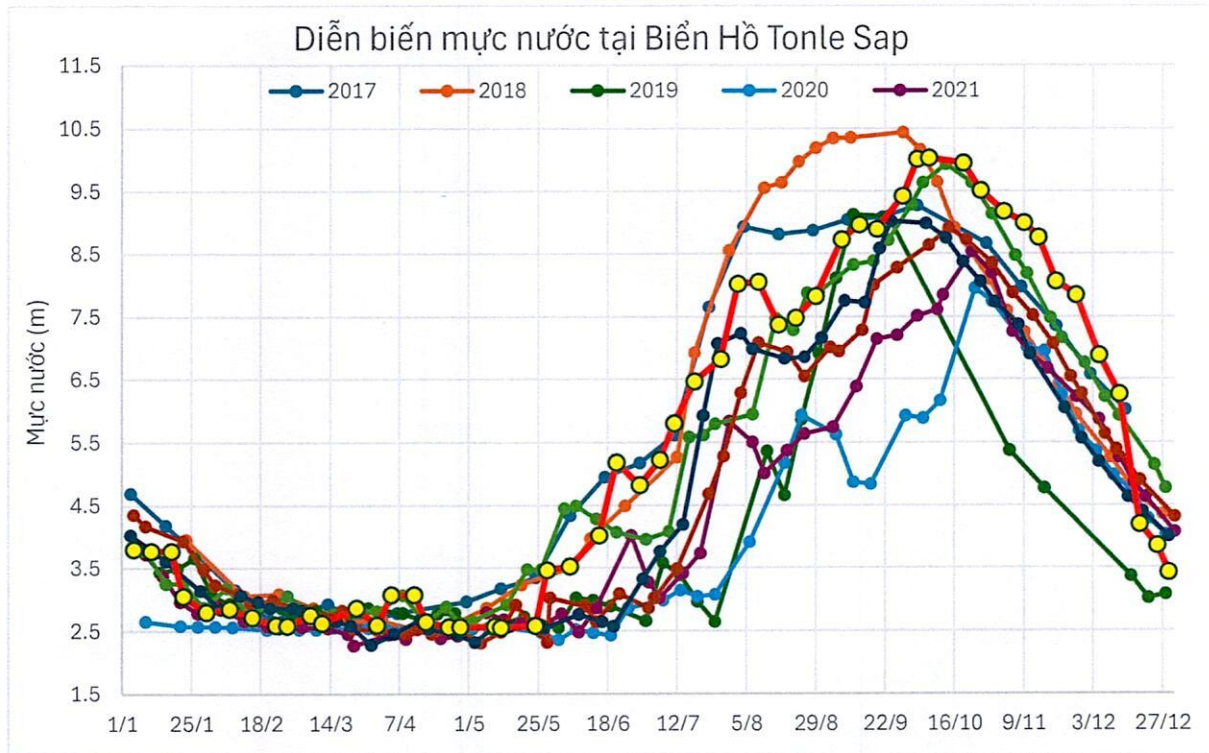


Hình 6: Dung tích trữ của hồ Nọa Trác Độ một số năm



Hình 7: Dung tích trữ của hồ Nam Ngụm 2 một số năm

Khu vực biển hồ Tonle Sap, hết tháng 12/2025 dung tích hồ đạt 21,38 tỷ m³, cao hơn so với trung bình nhiều năm là 7,21 tỷ m³. Hiện tại hồ đang trong giai đoạn cấp nước, dung tích hiện tại (ngày 15/1) còn khoảng 15,17 tỷ m³. So với mùa khô năm 2015-2016 cao hơn 11,39 tỷ m³; cao hơn 11,91 tỷ m³ so với mùa khô 2019-2020 và hơn 5,83 tỷ m³ so với TBNN(2013-2024).



Hình 8: Dung tích hồ Tonle Sap năm 2025 và một số năm

1.5. Nhu cầu sử dụng nước trên lưu vực Mê Công

Dự báo nhu cầu sử dụng nước (NCN) trên phần lãnh thổ của các quốc gia trên lưu vực Mê Công trong thời gian từ tháng 1 đến tháng 6/2026 cho thấy NCN trung bình mùa khô trên phần lãnh thổ các quốc gia hạ lưu vực sông Mê Công (không kể vùng ĐBSCL) khoảng 15,9 tỷ m³, tập trung chủ yếu ở Campuchia và Thái Lan. Trong thời kỳ mùa kiệt dòng chảy phụ thuộc chủ yếu vào dòng ngầm và điều tiết của các hồ chứa trên lưu vực, vì vậy nhu cầu sử dụng nước của các quốc gia thượng lưu được xem là có ảnh hưởng đáng kể đến nguồn nước về đồng bằng sông Cửu Long.

Bảng 2: Tổng hợp tính toán nhu cầu nước của các quốc gia thượng lưu ĐBSCL 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị: tỷ m³

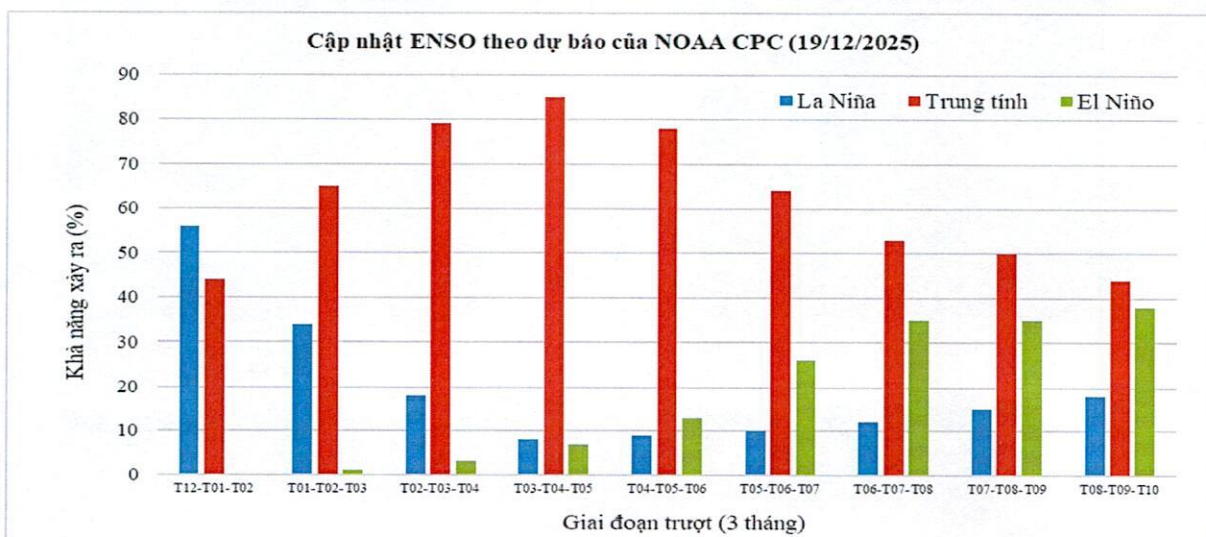
Tháng	Kịch bản	Lào	Thái Lan	Campuchia	Tây Nguyên VN	Tổng
1	Cao	0,76	0,99	2,03	0,39	4,16
	Thấp	0,63	0,83	1,69	0,32	3,47
	Trung bình	0,70	0,91	1,86	0,35	3,82
2	Cao	0,64	0,82	1,53	0,40	3,39

Tháng	Kịch bản	Lào	Thái Lan	Campuchia	Tây Nguyên VN	Tổng
	Thấp	0,57	0,73	1,34	0,35	2,99
	Trung bình	0,60	0,77	1,43	0,38	3,19
3	Cao	0,89	1,16	2,36	0,45	4,86
	Thấp	0,43	0,52	1,00	0,21	2,16
	Trung bình	0,66	0,84	1,68	0,33	3,51
4	Cao	0,16	0,23	1,21	0,06	1,66
	Thấp	0,14	0,19	1,04	0,05	1,42
	Trung bình	0,15	0,21	1,13	0,06	1,54
5	Cao	0,17	0,77	0,95	0,02	1,91
	Thấp	0,14	0,65	0,80	0,02	1,61
	Trung bình	0,15	0,71	0,87	0,02	1,76
6	Cao	0,75	1,03	0,41	0,05	2,24
	Thấp	0,62	0,86	0,34	0,04	1,87
	Trung bình	0,69	0,95	0,37	0,05	2,06
Tổng mùa (TB)		2.94	4,40	7,35	1,18	15,87

NỘI DUNG 2: ĐÁNH GIÁ VÀ DỰ BÁO THEO CÁC KỊCH BẢN CÁC TÁC ĐỘNG, ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÀ AN NINH NGUỒN NƯỚC Ở ĐBSCL

2.1. Cập nhật trạng thái ENSO

Theo IRI (International Research Institute for Climate and Society – Viện nghiên cứu Khí hậu và Xã hội toàn cầu), dự báo cập nhật đến hết tháng 12/2025 cho thấy, điều kiện La Nina vẫn sẽ tiếp tục chiếm ưu thế trong giai đoạn đến 02/2026 với xác suất lên đến 56%; trong giai đoạn từ tháng 01/2026-03/2026 và các giai đoạn kế sau đó có xu thế nghiêng về ENSO trung tính với xác suất 64%.

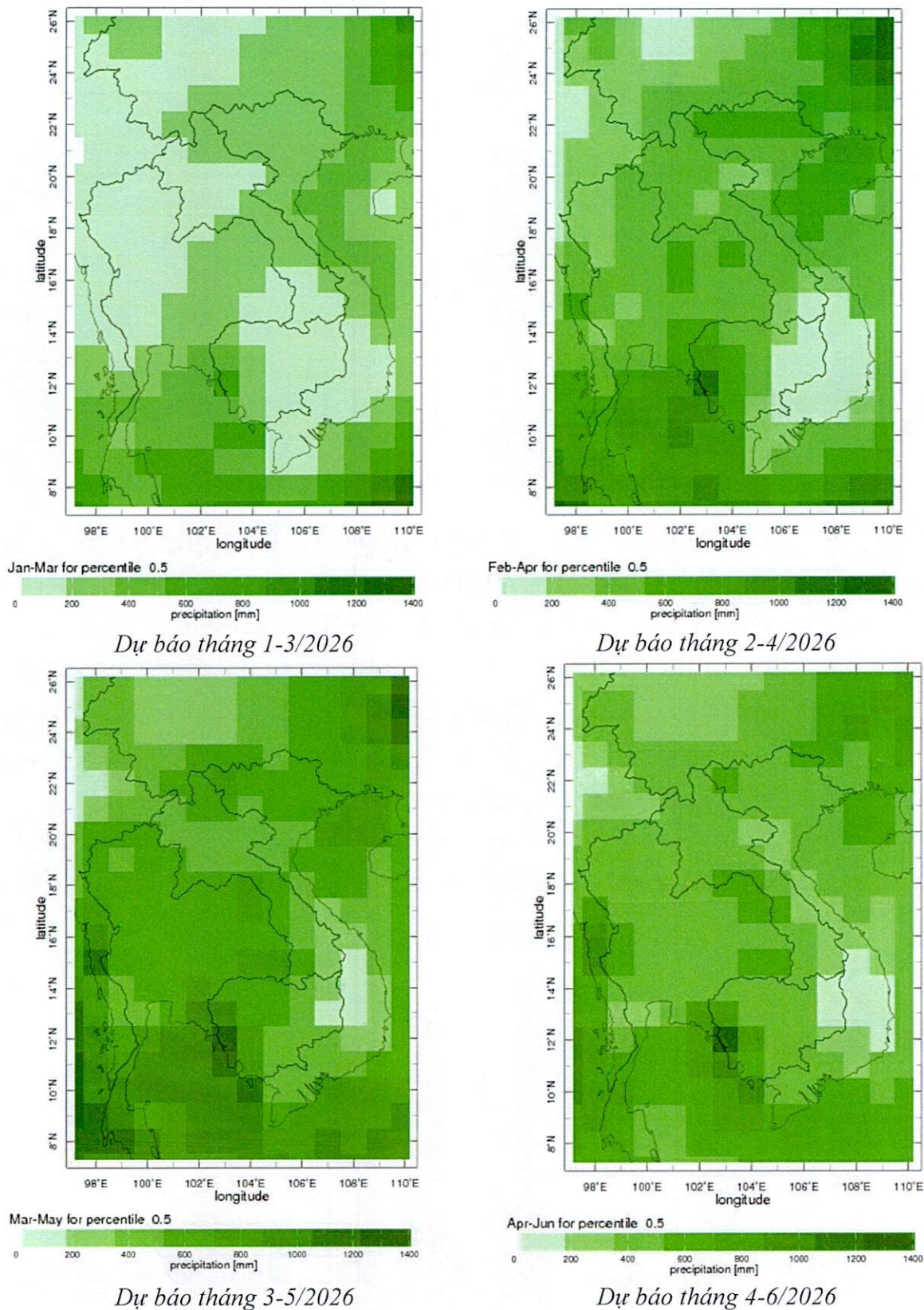


Nguồn: IRI (NOAA CPC - <https://iri.columbia.edu/our-expertise/climate/forecasts/enso/current/>)

Hình 9: Dự báo khả năng xuất hiện các trạng thái ENSO mùa kiệt 2025-2026

2.2. Cập nhật dự báo mưa

Theo dự báo khả năng xuất hiện mưa trên lưu vực Mê Công của IRI cho thấy, hầu hết diện tích lưu vực trong các tháng mùa khô từ tháng 01-06/2026 có mưa xuất hiện ở mức từ 100-200mm.



Nguồn: IRI

Hình 10: Dự báo khả năng xuất mưa (mm) theo xác suất 50%

2.3. Dự báo dòng chảy về ĐBSCL qua Kratie theo các kịch bản

Dựa vào tình hình khí hậu, lượng mưa dự báo và các kịch bản vận hành thủy điện, sử dụng nước thượng lưu, các kịch bản tính toán nguồn nước về Kratie được thiết lập và được đưa ra tại Bảng 3. Các kết quả được tổng hợp ở các mức độ tiềm năng nguồn nước theo thứ tự: Thấp, Trung bình (Tb) và Cao; kết quả cũng so sánh với TBNN và một số năm gần đây để có cái nhìn tổng quát khả năng nguồn nước có thể đến đầu nguồn ĐBSCL trong những tháng tới.

Bảng 3: Dự báo lưu lượng trung bình về Kratie các tháng mùa kiệt năm 2026

Tháng	Kịch bản	Lưu lượng tại Kratie Q (m ³ /s)	So sánh lưu lượng tăng/giảm các tháng dự báo 6 tháng đầu năm 2026 với cùng thời kỳ một số năm gần đây					
			TB (2013-2024)	2024-25	2023-24	2022-23	2019-20	2015-16
Th.12/2025		7.262	+1.762	+2.368	+1.795	+1.888	+3.794	+3.420
Dự báo Th.1/2026	Thấp	4.151	+40	+154	+282	+139	+1.092	+1.019
	Tb	4.880	+769	+883	+1.011	+868	+1.821	+1.748
	Cao	5.609	+1.498	+1.612	+1.740	+1.597	+2.550	+2.477
Dự báo Th.2/2026	Thấp	2.888	-484	-390	-321	-696	+502	-149
	Tb	3.366	-6	+88	+157	-218	+980	+329
	Cao	3.844	+472	+566	+635	+260	+1.458	+807
Dự báo Th.3/2026	Thấp	2.650	-817	-1.167	-143	-1.011	+506	+66
	Tb	3.387	-80	-430	+594	-274	+1.243	+803
	Cao	4.124	+657	+307	+1.331	+463	+1.980	+1.540
Dự báo Th.4/2026	Thấp	3.345	-585	-846	+315	-76	+478	-64
	Tb	3.975	+45	-216	+945	+554	+1.108	+566
	Cao	4.605	+675	+414	+1.575	+1.184	+1.738	+1.196
Dự báo Th.5/2026	Thấp	3.353	-1.392	-1.838	-385	-47	+214	+111
	Tb	4.838	+93	-353	+1.100	+1.438	+1.699	+1.596
	Cao	6.323	+1.578	+1.132	+2.585	+2.923	+3.184	+3.081
Dự báo Th.6/2026	Thấp	5.416	-2.951	-8.232	-958	-934	+722	-581
	Tb	7.959	-408	-5.689	+1.585	+1.609	+3.265	+1.962
	Cao	10.502	+2.135	-3.146	+4.128	+4.152	+5.808	+4.505

2.4. An ninh nguồn nước về ĐBSCL và vấn đề cần quan tâm trên đồng bằng

Kết quả phân tích dự báo cho thấy La Nina còn tiếp tục kéo dài đến tháng 2/2025, các giai đoạn tiếp theo ở pha ENSO trung tính, mưa có khả năng đến sớm cao hơn trung bình nhiều năm từ tháng 5, trong khi tiềm năng nguồn nước về đồng bằng đều ở mức bằng hoặc cao hơn trung bình nhiều năm, vì vậy vấn đề an ninh nguồn nước về đồng bằng trong các tháng đầu năm 2026 từ tháng 1 đến tháng 6 được xem là có nhiều thuận lợi.

Tuy nhiên, nguồn nước về phụ thuộc vào vận hành thủy điện, kịch bản nguồn nước thấp có thể xảy ra trong trường hợp các hồ xả nước thấp, khi đó lưu lượng thấp nhất về đồng bằng có thể xảy ra ở tháng 2 hoặc tháng 3 với mức lưu lượng khoảng 2.650 m³/s đến 2.880 m³/s. Với mức lưu lượng về theo kịch bản thấp, an ninh nguồn nước sẽ bị đe dọa do xâm nhập mặn vào sâu. Để đề phòng các tác động bất lợi, các địa phương theo dõi cập nhật các bản tin, vận hành hợp lý các công trình thủy lợi, chủ động tích trữ nước và kiểm soát mặn hợp lý.

3. Kết luận & kiến nghị

Nguồn nước về đồng bằng qua Kratie mùa kiệt năm 2026 được dự báo thuộc nhóm năm trên trung bình nhiều năm, tích nước ở các hồ chứa trên lưu vực cũng như tích nước ở Biển hồ Tonle Sap ở mức cao hơn trung bình nhiều năm, tiềm năng nguồn nước đảm bảo, tuy nhiên nước về phụ thuộc vào vận hành xả nước ở các thủy điện thượng nguồn, nếu việc xả nước hợp lý thì an ninh nguồn nước trong giai đoạn dự báo mùa kiệt là đảm bảo an toàn, nếu xả nước bất thường có thể ảnh hưởng đến nguồn nước trong những giai đoạn ngắn, rất cần thiết cập nhật thông tin dự báo thường xuyên để chủ động tích trữ nước trước khi các ảnh hưởng bất lợi (nếu có) do vận hành thủy điện về đến đồng bằng.

Để đảm bảo an ninh nguồn nước về đồng bằng Viện sẽ tiếp tục theo dõi và cập nhật các thông tin dự báo hàng tháng hoặc đột xuất khi có những biến động bất thường có thể tác động bất lợi đến ĐBSCL, các địa phương tiếp tục theo dõi thông tin cập nhật.

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Nghĩa Hùng